

ẢNH HƯỞNG CỦA TÂM LÝ NGƯỜI MÔNG ĐỐI VỚI VIỆC CỦNG CỐ, TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA - MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VỀ GIẢI PHÁP⁽¹⁾

Lê Hữu Xanh

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Ảnh hưởng của tâm lý người Mông đối với việc củng cố, tăng cường khối đoàn kết dân tộc ở miền núi phía Bắc nước ta

1.1. Ảnh hưởng đến việc ổn định chính trị và tư tưởng của đồng bào

Tâm lý của đồng bào Mông có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định chính trị và tư tưởng ở khu vực này. Trước hết, niềm tin của đồng bào vào đạo Tin lành, vào "Vàng Chứ" đã bị kẻ thù bên ngoài lợi dụng để chia rẽ các dân tộc trong khu vực, làm giảm lòng tin của người dân vào Đảng và Nhà nước. Việc một bộ phận đồng bào người Mông vẫn muốn trông anh túc để sản xuất ra thuốc phiện cũng góp phần làm cho tình hình an ninh của vùng này trở nên phức tạp hơn. Với ý kiến "Thuốc phiện có hại, nhưng là nguồn thu chính, không nên xoá bỏ hoàn toàn" thì có 25,5% số cán bộ cơ sở và đồng bào Mông được hỏi cho là rất đúng, 29,6% cho là tương đối đúng và 44,9% cho là không đúng.

1.2. Ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và văn hoá

Kết quả điều tra ở 4 tỉnh Cao Bằng, Điện Biên - Lai Châu, Sơn La và Lào Cai chỉ ra một bức tranh tổng quát về đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc Mông ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện tại còn gặp rất nhiều khó khăn. Đa số cán bộ huyện thuộc 4 tỉnh trên đồng ý tiêu chí đủ ăn là được ăn no, ăn đủ (ăn cơm, ăn rau). Dù với quan niệm đủ ăn như vậy, mà bình quân chung của đồng bào dân tộc Mông ở 4 tỉnh trên cũng chỉ đạt được 24,6% và gần 20% "còn thiếu nhiều". Đời sống đồng bào dân tộc Mông còn gặp nhiều khó khăn do nguyên nhân chủ quan là chính. Đó là sự hạn chế về trình độ nhận thức, tư duy chỉ dừng ở tư duy kinh nghiệm, là sự hạn chế

về nhu cầu đối với cuộc sống. Đó còn do tập quán như ma chay, cưới xin diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của vùng này. Số người nghiện ma túy cũng chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Năm 2003, tại hai huyện Sa Pa và Bắc Hà của tỉnh Lào Cai có 27,78% người Mông nghiện ma túy. Việc lên lút tái trồng cây thuốc phiện còn diễn ra, 56,8% đồng bào Mông 4 tỉnh trên cho rằng: “Biết bị cấm, song vẫn trồng vì cần tiền”. Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến đời sống của đồng bào khó khăn là việc chọn cây đặc sản trồng thay thế cây thuốc phiện chưa có hiệu quả kinh tế. Biện pháp tổ chức định canh, định cư của các địa phương trên chưa phù hợp với đặc điểm tâm lý truyền thống của đồng bào dân tộc Mông. Người Mông thích tự do, nay lại bị gò vào cuộc sống ở một cụm lớn, đông người, chật chội, họ chưa thích ứng với môi trường mới. Bên cạnh đó là sự tăng dân số có nguồn gốc từ tâm lý các dòng họ muốn có nhiều con trai để trở thành họ lớn. Thanh niên người Mông xây dựng gia đình sớm làm tăng dân số, làm suy giảm sức khoẻ lớp trẻ. Phụ nữ Mông rất vất vả trong công việc sản xuất và cuộc sống gia đình. Tỷ lệ phụ nữ không biết tiếng phổ thông còn nhiều. Con gái người Mông nếu được đi học thì phổ biến hết lớp 5 là thôi học và ở nhà chuẩn bị lấy chồng, sau đó thì họ cũng quên hết kiến thức. Có thể nói, “bức tranh giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, chưa mấy sáng sủa. Đó là cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống trường lớp còn yếu kém, xuống cấp. Tỷ lệ phòng học tạm và học sinh phải học 3 ca còn cao. Cơ cấu đội ngũ giáo viên thiếu đồng bộ, chất lượng chưa đồng đều, tỷ lệ giáo viên đạt tiêu chuẩn còn thấp, nhất là còn thiếu giáo viên ở một số môn như giáo dục công dân, giáo dục thể chất, tin học, ngoại ngữ, v.v. Đó là chưa nói đến đồ dùng, thiết bị dạy học của giáo viên, sách vở của học sinh còn thiếu. Việc xây dựng trường tiểu học ở nhiều vùng kết quả chưa cao. Bên cạnh đó, công tác quản lý tổ chức cũng như quản lý tài chính của các đơn vị và nhà trường còn hạn chế”⁽²⁾.

1.3. Ảnh hưởng đến công tác an ninh, quốc phòng

Đã bao đời nay, người Mông đã có lối sống du canh, du cư mà chiều hướng chung là di cư sang phía Tây, sang sát biên giới Việt - Lào, thậm chí sang Lào, hoà vào dòng tộc ở đó. Họ cư trú lâu đời trên các triền núi cao, dọc theo biên giới Việt - Lào. Từ năm 1990, có nhiều thế lực phản động mới đã âm mưu móc nối vào vùng dân tộc Mông ở Việt Nam để thực hiện ý đồ tôn giáo hoá dân tộc, thâm nhập, gây dựng cơ sở trong các vùng dân tộc Mông. “Năm 2003, số người vùng các dân tộc thiểu số phía Bắc theo đạo Tin Lành tăng từ 60.000 lên tới 84.000 người”⁽³⁾. Điều đáng chú ý là, hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái phép trong dân tộc Mông có sự tác động, hỗ trợ của các thế lực thù địch bên ngoài.

Sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta là sự hội tụ sức mạnh của các lĩnh vực chính trị - tư tưởng, kinh tế - văn hoá và an ninh - quốc phòng ở vùng này. Các lĩnh vực ấy quan hệ hữu cơ với nhau và mỗi một lĩnh vực đó không ổn định đều ảnh hưởng đến lĩnh vực khác, đến sức mạnh của cả hệ thống và đến khối đoàn kết dân tộc.

2. Một số khuyến nghị về giải pháp

2.1. Chăm lo phát triển kinh tế và văn hoá

Đầu tư vào miền núi phải xác định được địa bàn trọng điểm của tỉnh, của huyện và của xã. Từ đó, tập trung các nguồn lực kinh tế và con người vào vùng trọng điểm, tạo ra sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ để người dân cảm nhận được sự đổi đời - điều mà họ đã hàng trăm năm nay mong đợi. Ngân sách của Nhà nước đầu tư cho miền núi, hỗ trợ cho vùng dân tộc Mông để giải quyết nước ăn, nước sản xuất, đường giao thông và các cơ sở y tế, giáo dục phải được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả. Nhà nước cần thực hiện triệt để việc giao đất, giao rừng cho đồng bào, cụ thể hoá chính sách ưu đãi đối với những nơi được giao nhiệm vụ bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc chủng sao cho đồng bào có thu nhập cao hơn làm nương rẫy. Đối với người kinh doanh rừng, cần bảo đảm lợi ích thoả đáng để tạo động lực trong việc trồng, chăm sóc và tái sinh rừng. Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các huyện vùng cao, chú ý vùng đồng bào Mông đang sinh sống để giải quyết có hiệu quả vấn đề định canh định cư. Cần hướng dẫn, giúp đỡ đồng bào sản xuất, kinh doanh, bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo những kinh nghiệm và mô hình đã có hiệu quả. Khi sắp xếp, bố trí lại dân cư cần chú ý đến đặc điểm của người Mông là sống quần tụ theo dòng họ. Bên cạnh đó, phải làm cho đồng bào thấy hết những hậu quả của cuộc sống du canh, du cư đối với việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và bảo vệ môi trường sống của con người, cùng sự cân bằng sinh thái tự nhiên. Phân loại chính xác các đối tượng của diện định canh định cư theo các loại bản đã định cư lâu đời hay định cư không ổn định, kèm theo đánh giá tài nguyên thiên nhiên ở vùng đó để có chương trình phát triển phù hợp; phải chú ý đến nguồn nước đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt của đồng bào.

Đầu tư phát triển giáo dục, mở mang dân trí, phấn đấu đạt một nền giáo dục công bằng cho mọi người. Tăng số lượng học sinh người Mông học tại các trường dân tộc nội trú. Đào tạo đội ngũ giáo viên người Mông, khuyến khích đội ngũ giáo viên dân tộc khác học tiếng Mông ở lại công tác ở vùng đồng bào Mông. Mở rộng việc học chữ Mông ở các trường tiểu học và trung học nội trú vùng người Mông, giúp người Mông có phương tiện lưu giữ các giá trị truyền thống, đồng thời tăng thêm khả năng tiếp thu tiếng Việt và tiếp nhận các giá trị tiên tiến.

Đẩy mạnh việc khảo sát, sưu tầm, nghiên cứu, đánh giá các hiện tượng văn hóa truyền thống. Bảo tồn và phát huy những tinh hoa của nền văn hóa dân tộc đồng thời với việc xây dựng và phát triển nền văn hoá mới. Những tập tục gây cản trở cho sự phát triển thì vận động, thuyết phục để đồng bào thấy rõ tác hại và tự loại bỏ như: tề trồng và hút thuốc phiện, tục để người chết trong nhà nhiều ngày... Quá trình tổ chức các hoạt động văn hóa ở vùng người Mông cần chú ý đặc điểm tâm lý của người Mông là đề cao tính cộng đồng và tính bình đẳng. Quan tâm xây dựng các nhà văn hóa thôn, bản, các điểm bưu điện văn hóa xã, điểm xem truyền hình tập trung; xây dựng hệ thống chợ thị trấn, cụm xã như chợ Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Hum - Bát Xát... vì đây là nơi giao lưu của các dân tộc; tại các phiên chợ, các ngành chức năng tổ chức tuyên truyền đạt hiệu quả cao. Xây dựng các tụ điểm sinh hoạt phù hợp với điều kiện địa lý và tình hình kinh tế - xã hội của mỗi vùng. Người Mông chủ yếu sống trong môi trường cộng đồng, làng bản, gia đình, dòng họ, các môi trường này là nơi trao đổi các giá trị văn hóa cho mọi cá nhân, làm giàu văn hóa tộc người. Do đó, cần

quan tâm xây dựng cộng đồng làng bản có nếp sống văn hóa bằng việc phát huy tính tích cực của luật tục, quy ước truyền thống của làng bản.

2.2. Đổi mới phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc Mông

Vận động đồng bào Mông theo phương pháp “cầm tay chỉ việc”, cần hướng dẫn cụ thể, làm ngay, có như vậy đồng bào mới hiểu, mới làm, mới tin, mới thấy cuộc sống đổi thay nhờ có chính sách của Đảng và Nhà nước. Cần chú ý xây dựng điển hình tốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đồng bào dân tộc Mông như là tấm gương sống để vận động đồng bào noi theo. Bởi vì, với trình độ nhận thức của người Mông thì “Trăm nghe không bằng một thấy”. Tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước gắn liền với nhu cầu, lợi ích thiết thân của đồng bào Mông cần lồng ghép trong nhiều phong trào ở xã, thôn, bản.

Phương pháp tuyên truyền giáo dục, vận động đồng bào dân tộc Mông còn đòi hỏi triển khai qua nhiều kênh thông tin, nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Tăng cường đài truyền thanh địa phương xã, huyện, tỉnh, trung ương (có lồng tiếng dân tộc Mông), thông qua thông tin các loại hình báo chí của thanh niên, phụ nữ, hội nông dân, tờ gấp, tờ rơi. Tổ chức tuyên truyền tại chỗ ở thôn, bản, xã, điểm văn hoá xã, cụm và tăng cường thông tin lưu động, hội chiếu bóng lưu động, đội văn nghệ của huyện, tỉnh, giao lưu tại các ngày chợ phiên vùng cao. Các huyện vùng cao cần tổ chức ngày lễ hội định kỳ hằng năm, lễ tết dân tộc Mông, tết nguyên đán dân tộc Việt Nam, lễ hội xuống đồng, lễ hội Gầu Tào... cùng các môn thể thao truyền thống của người Mông.

Tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào nhận rõ âm mưu của bọn xấu, kẻ thù trong và ngoài nước, đấu tranh đối với hành động truyền đạo trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật, xuyên tạc chính sách, pháp luật của Nhà nước, chia rẽ đoàn kết nhân dân, tuyên truyền mê tín, dị đoan làm phương hại đến phong tục, tập quán và truyền thống văn hoá tốt đẹp của đồng bào dân tộc Mông và của dân tộc Việt Nam.

Cần lưu ý rằng, với đặc điểm tâm lý của người Mông, thì thông tin qua hình thức truyền miệng của những người cùng dân tộc, người cùng dòng họ bao giờ cũng có hiệu quả. Đối với người Mông, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ là chỗ dựa tinh thần đáng tin cậy của họ. Họ tuyệt đối trung thành và sẵn sàng làm theo bất cứ điều gì khi đã tin tưởng những người có uy tín chỉ bảo. Do vậy, việc nâng cao và phát huy vai trò của trưởng dòng họ, già làng, trưởng bản trong cộng đồng người Mông phải trở thành một nhiệm vụ quan trọng trong việc nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tự giác thực hiện chính sách dân tộc và chính sách phát triển kinh tế, xã hội, ổn định chính trị tư tưởng, an ninh quốc phòng ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta trong giai đoạn hiện nay. Với phương hướng đổi mới phương pháp tuyên truyền, giáo dục đồng bào dân tộc Mông trên đây sẽ phát huy được tâm lý tích cực và khắc phục dân tâm lý tiêu cực của họ trong quá trình xây dựng, củng cố và tăng cường khối đoàn kết dân tộc ở vùng này hiện nay.

2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt người Mông

Ở nước ta, tiếng Việt là ngôn ngữ chung, là phương tiện giao tiếp giữa các dân tộc và hiện nay tiếng Việt thật sự đi vào đời sống của nhiều dân tộc thiểu số. Tuy vậy, đông bào nhiều dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc có trình độ hiểu biết tiếng Việt không đồng đều. Có nơi, chỉ 11,8% người dân tộc Mông biết tiếng Việt nên trong giao tiếp thường nhật, từ trong gia đình đến cộng đồng, chủ yếu vẫn là truyền khẩu bằng tiếng dân tộc mình. Do đó, nhiều cán bộ người Kinh được Đảng và Nhà nước cử lên công tác ở vùng dân tộc Mông, tuy có phẩm chất và năng lực, có trách nhiệm với nhân dân, nhưng do sự hạn chế về tiếng Mông nên thường gặp trở ngại trong công tác. Chính vì vậy, việc bố trí cán bộ chủ chốt người dân tộc Mông ở địa bàn có nhiều người Mông sinh sống là một đòi hỏi cấp bách và cần thiết.

Thực trạng đội ngũ cán bộ miền núi, trong đó có người dân tộc Mông, nổi lên mấy vấn đề: trình độ, năng lực hạn chế, bất cập so với tình hình và nhu cầu phát triển hiện nay. Đội ngũ cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc Mông ở cấp cơ sở, có trình độ học vấn rất hạn chế, mới chỉ đạt trình độ tiểu học. Thậm chí, nhiều cán bộ người dân tộc Mông đang giữ chức danh bí thư, chủ tịch xã mà không biết chữ. Do đó, cần có chính sách đào tạo cán bộ nguồn cho từng dân tộc, ưu tiên dân tộc thiểu số, triển khai thực hiện ngay trong số con em các dân tộc thiểu số trong độ tuổi đi học. Từ đó, kiện toàn hệ thống các trường dân tộc nội trú vì đây chính là nơi đào tạo, cung cấp nguồn cán bộ dân tộc miền núi trong đó có cán bộ dân tộc Mông. Đối với cán bộ là người dân tộc thiểu số, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở, cần chú trọng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, động viên, khen thưởng kịp thời, kết hợp khen thưởng vật chất và tinh thần cho hợp lý. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả làm việc để uốn nắn, rút kinh nghiệm, đào tạo, bồi dưỡng để trưởng thành qua thực tế với thái độ chân tình, cởi mở...

Chú ý khắc phục tác phong sinh hoạt tự do, đơn giản, ít giữ được nguyên tắc trong công việc... làm giảm sút chất lượng công tác của đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc Mông nói riêng. Tăng cường công tác quản lý cán bộ công chức, chống nguy cơ tha hoá lan rộng trong đội ngũ, nhất là với cán bộ người dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc Mông. Mặt khác, cần có chính sách ưu đãi và khuyến khích trí thức người dân tộc Mông về quê hương công tác và các trí thức mới tốt nghiệp từ miền xuôi lên các tỉnh miền núi và vùng dân tộc Mông, thu hút được người có tài và tâm huyết lên công tác ở miền núi, động viên được tính tích cực, yên tâm công tác của đội ngũ cán bộ tại chỗ.

Chú thích

1. Các số liệu được rút ra từ đề tài cấp Bộ: "*Một số đặc điểm tâm lý chủ yếu của người H' Mông ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta và ảnh hưởng của chúng đến việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc*". Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện năm 2004, do TS. Lê Hữu Xanh làm chủ nhiệm.
2. Nguồn: Xã luận báo Nhân dân ngày 14/1/2002.
3. Nguồn: Cục II - Bộ Công an.